SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA VÂN ĐÌNH

Số: 352 /TB-BVĐKVĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Vân Đình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm thiết bị y tế của Bệnh viện đa khoa Vân Đình bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:
- Bệnh viện đa khoa Vân Đình.
- Địa chỉ: Số 1 Thanh Ấm, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Ông Hoàng Đức Chung, SĐT: 0972032230, email: chunghh249@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – TBYT, Bệnh viện đa khoa Vân Đình, số 1 Thanh Ấm, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Đồng thời gửi bản mềm qua email: chunghh249@gmail.com và phongvttbyt.bvdkvandinh@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:
- Từ ngày 25 tháng 02 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 07 tháng 3 năm 2025.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:
Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 07 tháng 3 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế. *(Phụ lục 1 đính kèm)*
2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện đa khoa Vân Đình, số 1 Thanh Ấm, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Dự kiến Quý III năm 2025.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Dự kiến tạm ứng 30%.
5. Các thông tin khác: Mẫu báo giá theo *(phụ lục 2 đính kèm)*.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA VÂN ĐÌNH

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khuyến

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo công văn số: 352 /TB-BVĐKVĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Vân Đình)

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy thở	**I. Yêu cầu chung** - Thiết bị mới 100%. - Sản xuất từ năm 2024 trở về sau. - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C + Độ ẩm tối đa: ≥ 75% **II. Yêu cầu tính năng và kỹ thuật cơ bản** 1. Máy chính: 01 cái Phụ kiện bao gồm 2. Màn hình: 01 cái 3. Van thở ra và cảm biến lưu lượng sử dụng nhiều lần: 1 bộ 4. Cánh tay đỡ dây thở: 1 cái 5. Dây thở silicon cho người lớn dùng nhiều lần: 1 bộ 6. Dây thở silicon trẻ em dùng nhiều lần: 1 bộ 7. Bộ lọc vi khuẩn: 1 cái 8. Bộ dây nối với nguồn cấp khí oxy: 1 bộ 9. Cảm biến oxy: 1 cái 10. Phổi giả test máy: 1 cái 11. Bộ làm ẩm/bình làm ẩm: 1 bộ	Máy	05

		12. Dây nguồn: 1 cái 13. Xe đẩy kèm theo máy chính: 1 cái 14. Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 Bộ - Máy thở sử dụng thích hợp với bệnh nhân người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh. - Nguyên tắc hoạt động: + Chu kỳ theo thời gian khi thể tích không đổi + Chu kỳ áp suất + Điều khiển lưu lượng bằng bộ vi xử lý + Tự thở với van tích hợp - Các chế độ thở: Bao gồm: + APCV, APCV-TV, PSV, PSV-TV (Tự động cai thở), VC / VAC, V-SIMV, P-SIMV, CPAP, APRV + SIGH, NEB (khí dung), Apnea BACK-UP (PSV, PSV-TV), MANUAL - Các chức năng: + Chức năng cài đặt thông số bệnh nhân + Các giới hạn của cảnh báo + Hiển thị đồ thị + Điều khiển bổ sung 100 % oxy tối đa trong 5 phút + Điều khiển thở thủ công + Điều khiển xông khí rung (6 Lít/phút) + Có tính năng kết nối cảnh báo từ xa - Màn hình hiển thị: cảm ứng kích thước ≥ 15 inch - Hiển thị và cài đặt: + Cài đặt chế độ hoạt động + Các cảnh cáo và tín hiệu báo động		

		+ Thiết lập và theo dõi các thông số thở sinh lý + Các biểu đồ bổ sung và các thông số thở + Menu chức năng cài đặt các tham số hoạt động + Các chế độ hoạt động, chức năng đồng hồ, ngày và giờ - Hiệu chuẩn chương trình: + Tự kiểm tra + Hiệu chuẩn cảm biến lưu lượng thở ra + Kích hoạt khí dung - Đồ họa hiển thị: + Các đường cong: Áp lực – lưu lượng – Thể tích – O2 + Các vòng lặp: Áp lực/ thể tích – Lưu lượng/ thể tích – Áp lực/ lưu lượng + Đồ thị: chu kỳ hít vào – thở ra - Cảnh báo: + Áp lực đường khí Cao – Thấp + Nhịp thở Cao – Thấp + Thể tích khí thở ra Cao – Thấp + Thể tích khí thở ra theo phút Cao – Thấp + PEEP Cao – Thấp + Nồng độ oxy – FiO2 Cao – Thấp + EtCO2 Cao – Thấp + Ngừng thở Nhịp thấp + Không kết nối với dây thở + Cảnh báo hệ thống (pin): các mức pin, mất kết nối + Cảnh báo khi mất nguồn điện cấp ngoài - Phạm vi của các thông số đo:		

		+ Nhịp hô hấp từ 0 đến ≥ 200 bpm + Thể tích khí hít vào thở ra từ 0 đến ≥ 3000 ml + Thể tích/ phút từ 0 đến ≥ 40 lít / phút + PAW: đỉnh, trung bình, cao PEEP từ ≤ -20 đến ≥ 80 cmH2O + Độ giãn nở phổi tĩnh và động từ 10 đến ≥ 150 ml / cmH2O + Sức cản đường thở: 0 đến ≥ 400 cmH2O/lít/giây + Dò khí % + Các thông số hiển thị bổ sung: PAW , PEEP, CPAP (cmH2O), RR (bpm), I:E, O2 (% - l/min), Vte (ml), VM (L/min), MAP (cmH2O), Pplateau (cmH2O), Fi , Fe (L/min), Ti , Tpause, Te (sec.), Ri (cmH2O/l/s), Cs, Cd (ml/cmH2O), Leak (%) - Thời gian hoạt động tối đa của Pin: ≥ 90 phút - Thời gian sạc lại Pin khoảng ≤ 8 giờ.		
2	Máy X-quang C Arm	**I. Yêu cầu chung** - Thiết bị mới 100%. - Sản xuất từ năm 2024 trở về sau. - Nguồn điện sử dụng: 220V/380V, 50Hz. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C + Độ ẩm tối đa: ≥ 75% **II. Yêu cầu tính năng và kỹ thuật cơ bản** 1. Nguồn phát cao tần: 1 Bộ 2. Bóng X- quang: 1 Bộ 3. Bộ chuẩn trực chùm tia: 1 Bộ 4. Bộ thu nhận hình ảnh kỹ thuật số dạng phẳng: 1 Bộ	Máy	01

		5. Cánh tay hình chữ C: 1 Bộ 6. Trạm xử lý, lưu trữ, hiển thị hình ảnh di động: 1 trạm 7. Bộ phần mềm tăng cường chất lượng hình ảnh và tối ưu liều tia: 1 Bộ 8. Bộ điều khiển cầm tay từ xa: 1 Bộ 9. Tay cầm điều khiển phát tia: 1 Bộ 10. Bàn đạp phát tia: 1 Bộ 11. Máy in ảnh: 1 Bộ 12. Bộ áo chì, yếm chì: 2 Bộ 13. Máy in phim khô laser: 1 cái 14. Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 Bộ - Bóng X quang + Loại bóng X- quang với Anode cố định + Điện áp tối đa: 110 kV + Số tiêu điểm: 02 tiêu điểm Kích thước tiêu điểm: ≤ 0.6 mm và ≤ 1.2 mm + Dung lượng trữ nhiệt Anode tối đa: ≥ 75 kHU + Tốc độ giải nhiệt Anode tối đa: ≥ 50 kHU/phút + Dung lượng trữ nhiệt toàn bóng tối đa: ≥ 1400 kHU + Tản nhiệt bằng dầu hoặc tương đương. - Bộ thu nhận hình ảnh kỹ thuật số dạng phẳng + Vật liệu: CsI hoặc tương đương + Kích thước: ≥ 20 x 20 cm + Trường nhìn FOV: tối đa ≥ 20.0 cm + Kích thước ma trận: ≥ 1024x1024 pixels + Kích thước pixel: ≤ 200 µm		

		+ Chuyển đổi tín hiệu điểm ảnh: ≥ 16 bit + Loại lưới lọc tán xạ: có thể tháo rời - Cánh tay hình chữ C + Di chuyển chiều dài: ≥ 20 cm + Khoảng quét: ± ≥ 12.5 độ + Di chuyển thẳng đứng bằng động cơ: ≥ 43 cm + Xoay: ± ≥ 180 độ + Nghiêng: ≤ - 50 độ tới ≥ + 100 độ + Khoảng cách nguồn phát tia X tới đầu thu SID: ≥ 100 cm + Khoảng cách hai đầu cánh tay C- arm: ≥ 75 cm + Độ sâu C- arm: ≥ 70 cm - Trạm hiển thị di động + Màn hình LCD hoặc tương đương màu: 02 cái + Kích thước: ≥ 19 inches + Độ phân giải: ≥ 1280 × 1024 pixels + Độ sáng tối đa: ≥ 330 Cd/m2 + Tỉ lệ tương phản: > 600:1 + Góc nhìn rộng: ≥ 170 độ - Phần cứng bộ xử lý + Lưu trữ: ≥ 140.000 ảnh + Có chức năng kết nối DICOM 3.0 (lưu và in DICOM) + Có chức năng hỗ trợ giao tiếp không dây với các hệ thống lưu trữ hoặc mạng lưới bệnh viện như PACS, RIS, HIS + Hệ điều hành: Windows 10 + Bộ vi xử lý: Intel Core i7 (≥4.6 GHz)		

		+ RAM: ≥ 8GB + Bộ nhớ lưu trữ: ≥ 2x500GB HDD + Tích hợp công cụ hỗ trợ chẩn đoán và giải quyết vấn đề kỹ thuật từ xa + Tích hợp bộ lưu điện UPS - Chức năng xử lý ảnh: + Xoay kĩ thuật số, lật trái/phải, lên/xuống + Điều chỉnh độ tương phản, độ sáng tự động hoặc thủ công + Giảm nhiễu thích ứng theo thời gian, giảm nhiễu theo không gian + Tăng cường hiển thị các đường viền trên ảnh + Cửa chập điện tử tự động + Nén trắng + Điều khiển độ khuếch đại tiến tiếp - Bộ phần mềm tăng cường chất lượng hình ảnh và tối ưu liều tia + Phần mềm tự động nhận diện giải phẫu trong trường chiếu và hiệu chỉnh các thông số phát tia để thu được hình ảnh tốt nhất + Phần mềm tự động loại bỏ ảnh hưởng kim loại trong trường chiếu giúp đảm bảo chất lượng hình ảnh và kiểm soát liều tia ổn định + Phát hiện các nhiễu chuyển động để xử lý giảm xảo ảnh + Cài đặt sẵn thông số phát tia tối ưu cho các vùng giải phẫu khác nhau + Có chế độ chuyên biệt cho trẻ em giúp soi/chụp với liều tia thấp. Có thể kết hợp tháo bỏ lưới lọc tán xạ. - Bộ điều khiển cầm tay từ xa: cho phép điều khiển các chế độ hình ảnh, thao tác xử lý hình cơ bản - Tay cầm điều khiển phát tia: Điều khiển kích hoạt các chế độ soi, chụp khác nhau - Bàn đạp điều khiển phát tia		

		- Các chế độ phát tia: + Chế độ soi phát xung + Chế độ chụp phát xung + Chế độ chụp kỹ thuật số		
3	Giường cấp cứu đa năng	**I. Yêu cầu chung** - Thiết bị mới 100%. - Sản xuất từ năm 2024 trở về sau. - Nguồn điện sử dụng: 220V/380V, 50Hz. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C + Độ ẩm tối đa: ≥ 75% **II. Yêu cầu tính năng và kỹ thuật cơ bản** 1. Khung giường: 01 cái 2. Bánh xe: 04 cái 3. Bộ điều khiển: 01 cái 4. Tấm đầu giường và tấm cuối giường: 02 cái 5. Tay vịn hai bên giường: 02 cái 6. Cọc truyền dịch: 01 cái 7. Nệm: 01 cái 8. Bàn ăn qua giường: 01 cái 9. Ắc quy: 01cái 10. Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 Bộ - Kích thước: Chiều dài: ≥ 2100mm	Cái	05

		Chiều rộng: ≥ 1000mm - Giường có chức năng nâng chiều cao, nâng phần lưng, nâng phần chân điều khiển bằng điện - Khung thép sơn tĩnh điện hoặc tương đương - Mặt giường bằng nhựa ABS hoặc tương đương; chia làm 4 phần: tấm nâng lưng đầu; tấm mông; tấm nâng đùi; tấm nâng chân - Tấm đầu giường và cuối giường làm bằng nhựa PP hoặc tương đương - Thành chắn: làm bằng nhựa ABS hoặc PP hoặc tương đương - Đệm: Vỏ đệm làm bằng chất liệu chống thấm nước. - Ổ cắm cọc truyền dịch được bố trí ở bốn góc giường. - Bảng điều khiển y tá có phím cho phép khóa các chức năng. - Có móc treo túi dẫn lưu hai bên giường. - Bánh xe có khóa hãm - Tải trọng tối đa: ≥ 200 kg		
4	Máy theo dõi bệnh nhân (≥ 7 thông số)	**I. Yêu cầu chung** - Thiết bị mới 100%. - Sản xuất từ năm 2024 trở về sau. - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C + Độ ẩm tối đa: ≥ 75% **II. Yêu cầu tính năng và kỹ thuật cơ bản** 1. Máy chính: 01 bộ 2. Bộ đo điện tim ECG: 01 bộ	Máy	05

		3. Bộ đo SpO_2: 01 bộ 4. Bộ đo nhịp tim: 01 bộ 5. Bộ đo huyết áp người lớn: 01 bộ 6. Bộ đo huyết áp trẻ em: 01 bộ 7. Bộ đo huyết áp xâm lấn: 01 bộ 8. Máy in nhiệt tích hợp: 01 cái 9. Pin sạc tích hợp trong máy: 01 cái 10. Dây nguồn: 01 cái 11. Xe đẩy: 01 cái 12. Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 Bộ - Theo dõi được tối thiểu 7 thông số: ECG (Điện tim), RESP (Nhịp thở), NIBP (Huyết áp không xâm lấn), SPO_2 (Bão hào ô xy), IBP (Huyết áp xâm lấn), $EtCO_2$, Nhiệt độ - Có chức năng phát hiện loạn nhịp - Màn hình hiển thị: màn hình màu LCD hoặc tương đương, kích thước ≥ 10 inch - Có thể kết nối mạng và tạo thành hệ thống với máy trung tâm theo dõi - Có chức năng kết nối giữa các máy với nhau **ECG (Điện tim)** - Dải đo: 15 nhịp/ phút đến ≥ 300 nhịp/ phút - Sai số: ± ≤ 2 nhịp/phút **RESP (Nhịp thở)** - Phương pháp đo: trở kháng - Dải đo: 0 nhịp/ phút đến ≥ 150 nhịp/ phút - Sai số: ± ≤ 2 nhịp/phút - Có thể theo dõi ngừng thở: từ ≤ 5 đến ≥ 40 giây **SPO_2 (Bão hào ô xy)**		

		- Dải đo: 0 đến 100% - Sai số: ± ≤ 3% **Nhiệt độ** - Dải đo: 0°C đến ≥ 45°C **NIBP (Huyết áp không xâm lấn)** - Phương pháp đo: dao động - Dải đo: từ 0 mmHg đến ≥ 300 mmHg - Thời gian đo tối đa: người lớn/trẻ em: ≤ 160 giây, trẻ sơ sinh: ≤ 80 giây - Giá trị áp suất tối đa: người lớn/trẻ em ≥ 300mmHg, trẻ sơ sinh: ≥150mmHg - Có báo hiệu bằng âm thanh khi kết thúc chu kỳ đo **IBP (Huyết áp xâm lấn)** - Dải đo: ≤ 0 mmHg đến ≥ 300 mmHg **$EtCo_2$** - Phương pháp đo: dòng chính - Dải đo: khoảng 0 đến ≥ 100 mmHg - Sai số: ± ≤ 10%		
5	Bơm tiêm điện	**I. Yêu cầu chung** - Thiết bị mới 100%. - Sản xuất từ năm 2024 trở về sau. - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C + Độ ẩm tối đa: ≥ 75% **II. Yêu cầu tính năng và kỹ thuật cơ bản**	Cái	10

		1. Máy chính: 01 bộ 2. Dây nguồn: 01 Cái 3. Kẹp cọc truyền: 01 cái 4. Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 Bộ - Màn hình hiển thị: màn hình màu LCD hoặc tương đương, kích thước ≥ 4 inch - Sử dụng được các cỡ bơm tiêm: 5 mL, 10 mL, 20 mL, 30 mL, 50/60 mL - Chọn chế độ đặt liều: Gồm các chế độ mL/giờ , µg/kg/phút, mg/kg/giờ; - Dải cài đặt tốc độ tiêm: 0,01 đến ≥ 1200 mL/giờ tùy thuộc cỡ bơm tiêm - Hiển thị thể tích dịch đã tiêm: 0 đến ≥ 9999 mL - Tốc độ tiêm nhanh: điều chỉnh trong khoảng từ ≤ 150 đến ≥ 1200 mL/ giờ tùy theo cỡ bơm tiêm - Các chức năng an toàn: + Cài đặt báo động gần hết dịch bằng thời gian + Chọn áp lực báo tắc đường tiêm + Giảm tốc bolus: giảm áp lực trong bơm tiêm khi gặp báo động tắc nghẽn + Cài đặt giới hạn dải tốc độ + Khóa bàn phím để tránh ấn nhầm phím khi máy đang hoạt động - Báo động trong các trường hợp: + Tắc đường tiêm truyền + Gần hết dịch + bơm tiêm lắp không đúng + Ắc quy yếu + Ắc qui hỏng và mất điện lưới + Nhắc ấn phím START + Chưa cài đặt tốc độ tiêm		

		+ Chưa cài đặt thể tích dịch định tiêm + Tốc độ truyền đặt lớn hơn giới hạn thể tích dịch định truyền + Hoàn thành thể dịch đặt trước		

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo công văn số: 352 /TB-BVĐKVĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Vân Đình)

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: ... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi .... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế[2]	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất[3]	Mã HS[4]	Năm sản xuất[5]	Xuất xứ[6]	Số lượng/khối lượng[7]	Đơn giá[8] (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan[9] (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)[10] (VND)	Thành tiền[11] (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

……, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp[12]

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.